

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
VĨNH HOÀN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 - 39

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400112623, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: **614.049.130.000 VND**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại : (84 - 67) 3891 166
Fax : (84 - 67) 3891 672
E-mail : vh@vinhhoan.com.vn
Mã số thuế : 1400112623

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại TP. Hồ Chí Minh	569-571-573 (lầu 8,9) Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; nuôi trồng thủy sản nội địa; mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế, mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản; mua bán thủy hải sản, mua bán nông sản thực phẩm, súc sản phục vụ sản xuất; mua bán hóa chất phục vụ sản xuất, nhập khẩu, mua bán phân bón, kinh doanh thuốc thú y thủy sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất; sản xuất bao bì giấy; in bao bì các loại; xây dựng nhà các loại; xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo; kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản), kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; mua bán, xuất nhập khẩu gạo; các dịch vụ thú y thủy sản (trừ vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Sản lượng tiêu thụ trong năm tăng, tuy nhiên do giá bán giảm, chi phí nguyên vật liệu tăng làm cho lợi nhuận năm nay giảm nhẹ so với năm trước.

Trong năm, Công ty đã phát hành thêm 13.893.640 cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 5 năm 2013.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 39).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 24 tháng 5 năm 2013 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng	10.522.501.238 VND
- Trích quỹ phúc lợi	4.209.000.495 VND
- Trích quỹ khen thưởng vượt kế hoạch cho Ban điều hành	5.000.000.000 VND
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2012 bằng cổ phiếu	138.936.400.000 VND
Cộng	<u>158.667.901.733 VND</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên	25 tháng 4 năm 2011	-
Ông Võ Phú Đức	Thành viên	09 tháng 5 năm 2012	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Tuyết Hoa	Trưởng ban	09 tháng 5 năm 2012	-
Ông Nguyễn Văn Nghệ	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	25 tháng 4 năm 2013
Ông Phạm Lâm Triều	Thành viên	25 tháng 4 năm 2013	-
Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Đặng Văn Viễn	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	01 tháng 7 năm 2013
Bà Trương Tuyết Phương	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	09 tháng 01 năm 2014
Bà Trương Tuyết Phương	Giám Đốc thu mua	09 tháng 01 năm 2014	-
Bà Trương Tuyết Phương	Giám Đốc nhân sự	01 tháng 3 năm 2014	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	09 tháng 01 năm 2014
Ông Huỳnh Đức Trung	Giám đốc dự án	09 tháng 01 năm 2014	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2008	09 tháng 01 năm 2014
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Giám đốc kinh doanh	09 tháng 01 năm 2014	-
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Giám đốc tài chính	01 tháng 01 năm 2014	-
Bà Hồ Thanh Huệ	Giám đốc sản xuất	01 tháng 3 năm 2014	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

3815.
G TY
H HUU
VA TU
C
PHOC

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2014





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0385/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn, được lập ngày 01 tháng 3 năm 2014, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

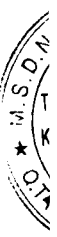
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

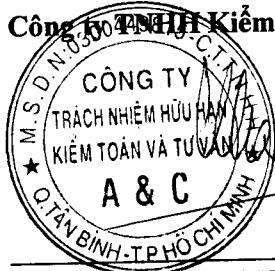
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2014

3004
CÔNG
TRÁCH NHIỆM
KIỂM TOÁN
A
TÂN BÌNH -

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.483.232.225.803	2.321.042.641.597
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	46.397.315.140	27.875.810.695
1. Tiền	111		46.397.315.140	27.875.810.695
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.907.661.978	823.630.805.013
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	38.907.661.978	823.630.805.013
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		581.893.491.741	636.535.254.500
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	545.440.895.746	526.065.356.386
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	26.351.448.769	62.162.293.766
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	11.603.142.914	49.856.086.619
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1.501.995.688)	(1.548.482.271)
IV. Hàng tồn kho	140		756.593.993.234	764.414.655.942
1. Hàng tồn kho	141	V.7	813.773.350.635	827.827.490.574
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(57.179.357.401)	(63.412.834.632)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		59.439.763.710	68.586.115.447
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	819.957.655	539.540.533
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		36.469.158.047	31.409.583.677
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	127.746.901	352.310.342
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	22.022.901.107	36.284.680.895

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		683.078.673.280	561.937.473.538
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		440.161.706.386	380.361.705.424
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	339.477.637.122	314.158.130.687
<i>Nguyên giá</i>	222		695.100.156.264	590.280.999.025
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(355.622.519.142)	(276.122.868.338)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	50.076.757.445	50.244.239.045
<i>Nguyên giá</i>	228		51.787.172.240	51.703.029.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.710.414.795)	(1.458.790.795)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	50.607.311.819	15.959.335.692
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		195.874.499.459	138.457.388.108
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	228.232.041.558	140.257.242.690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	7.697.000.726	9.200.574.651
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(40.054.542.825)	(11.000.429.233)
V. Tài sản dài hạn khác	260		47.042.467.435	43.118.380.006
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	45.839.005.810	41.914.918.381
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1.203.461.625	1.203.461.625
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.166.310.899.083	2.882.980.115.135

15-C
 TY
 UH
 TUV
 C
 004

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		832.903.438.271	1.662.998.091.207
I. Nợ ngắn hạn	310		832.903.438.271	1.662.998.091.207
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	253.422.846.926	1.195.139.342.758
2. Phải trả người bán	312	V.20	242.796.038.230	188.475.477.191
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	5.533.629.938	8.172.039.188
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	9.806.399.100	16.790.816.810
5. Phải trả người lao động	315	V.23	48.670.480.531	30.600.152.260
6. Chi phí phải trả	316	V.24	5.038.511.051	16.568.749.962
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	164.071.969.454	113.001.379.372
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	43.100.000.000	43.100.000.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	60.463.563.041	51.150.133.666
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.333.407.460.812	1.219.982.023.928
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.333.407.460.812	1.219.982.023.928
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	614.049.130.000	475.112.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	190.492.000.000	190.492.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	(36.897.215.355)	(36.897.215.355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	565.763.546.167	591.274.509.283
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.166.310.899.083	2.882.980.115.135



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

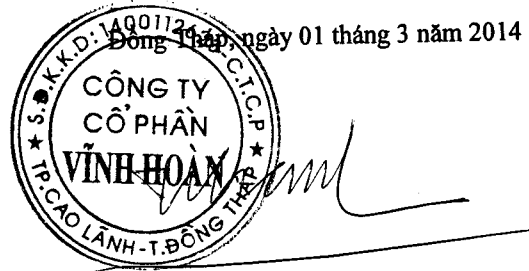
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.722.175,75	921.396,45
Euro (EUR)		273,78	284,70
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Phung

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Đông Tháp, ngày 01 tháng 3 năm 2014



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

S.Đ.N.
T.Đ.
K.
C.T.A.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

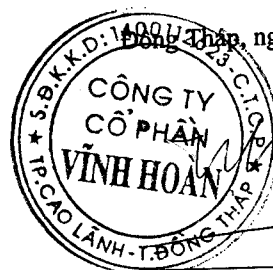
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.349.410.027.432	3.724.896.798.595
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	9.970.397.459	8.552.492.043
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	4.339.439.629.973	3.716.344.306.552
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.911.872.697.910	3.274.103.954.175
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		427.566.932.063	442.240.352.377
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	117.554.042.678	106.896.730.137
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	103.317.065.366	64.106.314.698
Trong đó: chi phí lãi vay	23		61.367.838.445	46.384.868.903
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	238.430.888.233	218.065.368.110
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	44.342.944.343	52.294.324.401
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		159.030.076.799	214.671.075.305
11. Thu nhập khác	31	VI.7	12.073.923.803	9.114.678.428
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.524.036.846	2.676.556.898
13. Lợi nhuận khác	40		8.549.886.957	6.438.121.530
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		167.579.963.756	221.109.196.835
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	34.423.025.139	32.569.976.694
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>133.156.938.617</u>	<u>188.539.220.141</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

Thư



Đồng Tháp, ngày 01 tháng 3 năm 2014

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		167.579.963.756	221.109.196.835
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	80.554.010.723	62.303.563.562
- Các khoản dự phòng	03	V.6,V.8,V.16	22.774.149.778	30.465.803.178
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.7,VI.8	(104.997.336.745)	(72.423.666.179)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	61.367.838.445	46.384.868.903
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		227.278.625.957	287.839.766.299
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.302.304.370	91.655.132.895
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.054.139.939	(169.512.757.783)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		87.779.448.559	54.451.429.376
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.789.811.460)	(5.134.464.844)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4,V.24	(62.943.653.366)	(45.441.628.739)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(40.778.374.089)	(51.719.504.645)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		143.852.000	1.500.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.890.237.358)	(14.845.056.686)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		227.156.294.552	148.792.915.873
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12,V.13,VII	(103.168.160.555)	(96.122.775.199)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	547.615.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(411.123.926.798)	(1.278.266.684.400)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.219.740.794.196	425.201.033.500
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14	(87.974.798.868)	(38.021.327.300)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5,VI.3	115.060.182.750	53.134.973.173
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		733.081.705.725	(934.074.780.226)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	4.377.385.218.438	3.225.861.939.816
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(5.319.101.714.270)	(2.615.365.548.314)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(91.920.234.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(941.716.495.832)	518.576.157.002
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		18.521.504.445	(266.705.707.351)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	27.875.810.695	294.581.518.046
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	46.397.315.140	27.875.810.695

Handwritten signature

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 01 tháng 3 năm 2014

Handwritten signature
Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.

- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Sản lượng tiêu thụ trong năm tăng, tuy nhiên do giá bán giảm, chi phí nguyên vật liệu tăng làm cho lợi nhuận năm nay giảm nhẹ so với năm trước..

Trong năm, Công ty đã phát hành thêm 13.893.640 cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 5 năm 2013.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ và để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Nhà nước công bố.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.813 VND/USD
31/12/2013 : 21.036 VND/USD

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.974.318.353	2.550.644.567
Tiền gửi ngân hàng	44.422.996.787	25.325.166.128
Cộng	46.397.315.140	27.875.810.695

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm	240.977.578	738.217.050.780
Cho Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	38.666.684.400	85.413.754.233
vay	38.907.661.978	823.630.805.013
Cộng		

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	23.728.781.887	15.708.435.457
Các khách hàng nước ngoài	521.712.113.859	510.356.920.929
Cộng	545.440.895.746	526.065.356.386

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp tài sản cố định (*)	23.777.737.898	60.446.825.826
Các nhà cung cấp nguyên vật liệu	2.573.710.871	1.715.467.940
Cộng	26.351.448.769	62.162.293.766

(*) Trong đó, khoản tiền thanh toán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vùng nuôi Vĩnh Hòa và vùng nuôi Hòa Hưng với số tiền lần lượt là 15.664.600.000 VND và 6.781.450.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - phải thu tiền hàng thu hộ	-	13.993.287.253
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - phải thu nguyên vật liệu cho mượn	-	12.014.280.000
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - phải thu tiền cổ tức	6.995.004.000	-
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 - lãi cho vay phải thu	821.750.103	2.080.359.673
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) - phải thu tiền hàng thu hộ	-	1.134.084.600
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	533.043.825	3.351.641.760
Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Lương thực miền Nam – tiền hàng ủy thác xuất khẩu	3.235.336.800	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	17.208.333.333
Phải thu khác	18.008.186	74.100.000
Cộng	<u>11.603.142.914</u>	<u>49.856.086.619</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	475.628.208
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	1.072.854.063
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.501.995.688	-
Cộng	<u>1.501.995.688</u>	<u>1.548.482.271</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	1.548.482.271
Hoàn nhập dự phòng	(46.486.583)
Số cuối năm	<u>1.501.995.688</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	11.133.839.418	42.843.196.000
Nguyên vật liệu	63.783.349.502	61.535.215.170
Công cụ, dụng cụ	2.914.268.859	2.557.566.625
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	394.931.301.942	385.020.665.825
Thành phẩm	333.709.391.170	328.401.709.990
Hàng hóa	7.974.002	35.117.252
Hàng gửi đi bán	7.293.225.742	7.434.019.712
Cộng	<u>813.773.350.635</u>	<u>827.827.490.574</u>

49
IG
IEM
NV
&
CP

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**
Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	63.412.834.632
Hoàn nhập dự phòng	(6.233.477.231)
Số cuối năm	57.179.357.401

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ.

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng (*)	21.653.795.107	33.584.680.895
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	369.106.000	2.700.000.000
Cộng	22.022.901.107	36.284.680.895

(*) Trong đó, khoản tạm ứng cho các cá nhân để mua đất tại các vùng nuôi với tổng số tiền là 18.590.712.000 VND. Hiện tại, các vùng nuôi này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng nhưng đã đưa vào khai thác.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	225.308.859.595	352.871.266.919	10.907.497.041	1.193.375.470	590.280.999.025
Mua sắm mới	43.387.594.955	28.905.692.592	2.636.252.638	52.500.000	74.982.040.185
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	24.340.786.027	6.168.721.467	-	-	30.509.507.494
Tài sản được biếu tặng	-	392.615.000	-	-	392.615.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(183.335.169)	-	-	(183.335.169)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(39.620.182)	(771.295.629)	-	(70.754.460)	(881.670.271)
Số cuối năm	292.997.620.395	387.383.665.180	13.543.749.679	1.175.121.010	695.100.156.264
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.282.064.940	58.037.112.943	2.612.926.910	675.312.520	70.607.417.313
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	56.239.572.247	213.970.736.987	4.997.963.166	914.595.938	276.122.868.338
Khấu hao trong năm	28.681.298.033	50.353.091.437	1.124.800.237	143.197.016	80.302.386.723
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.592.796)	-	-	(7.592.796)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(25.264.620)	(713.457.379)	-	(56.421.124)	(795.143.123)
Số cuối năm	84.895.605.660	263.602.778.249	6.122.763.403	1.001.371.830	355.622.519.142
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	169.069.287.348	138.900.529.932	5.909.533.875	278.779.532	314.158.130.687
Số cuối năm	208.102.014.735	123.780.886.931	7.420.986.276	173.749.180	339.477.637.122
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 307.229.819.217 VND và 111.788.780.218 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	51.027.800.050	675.229.790	51.703.029.840
Mua trong năm	54.142.400	30.000.000	84.142.400
Số cuối năm	51.081.942.450	705.229.790	51.787.172.240
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	468.773.790	468.773.790
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	926.761.551	532.029.244	1.458.790.795
Khấu hao trong năm	209.832.804	41.791.196	251.624.000
Số cuối năm	1.136.594.355	573.820.440	1.710.414.795
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	50.101.038.499	143.200.546	50.244.239.045
Số cuối năm	49.945.348.095	131.409.350	50.076.757.445
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 14.067.767.850 VND và 12.931.173.495 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	-	49.930.000.764	(4.327.532.764)	-	45.602.468.000
XDCB dở dang	15.959.335.692	19.883.181.564	(30.509.507.494)	(328.165.943)	5.004.843.819
<i>Chi phí cho các ao nuôi cá</i>	<i>14.292.825.909</i>	<i>16.462.405.532</i>	<i>(28.020.934.919)</i>	<i>(220.679.200)</i>	<i>2.513.617.322</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i>	<i>1.666.509.783</i>	<i>3.420.776.032</i>	<i>(2.488.572.575)</i>	<i>(107.486.743)</i>	<i>2.491.226.497</i>
Cộng	15.959.335.692	69.813.182.328	(34.837.040.258)	(328.165.943)	50.607.311.819

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	6.945.375	52.003.709.506	6.945.375	52.003.709.506
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾		8.651.533.184		8.651.533.184
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾		99.300.000.000		79.300.000.000
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ^(iv)		305.000.000		302.000.000
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 ^(v)	6.797.180	67.971.798.868		-
Cộng		228.232.041.558		140.257.242.690

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 3 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 69.950.040.000 VND, tương đương 69,95% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 69.453.749.913 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 99.300.000.000 VND, tương đương 99,30% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 305.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.695.000.000 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 02 ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 68.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 67.971.798.868 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 28.201.132 VND.

Trong năm 2012 Công ty đã thành lập Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012). Việc góp vốn vào Công ty trên chưa được thực hiện.

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng đầu tư khoản lỗ của các Công ty con.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2	20.362.213.861	4.375.457.888
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	19.148.931.121	6.624.971.345
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	543.397.843	-
Cộng	<u>40.054.542.825</u>	<u>11.000.429.233</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	11.000.429.233
Trích lập dự phòng bổ sung	29.054.113.592
Số cuối năm	<u>40.054.542.825</u>

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	32.317.994.248	16.450.585.540	(10.322.931.729)	38.445.648.059
Tiền thuê đất	9.596.924.133	-	(2.203.566.382)	7.393.357.751
Cộng	<u>41.914.918.381</u>	<u>16.450.585.540</u>	<u>(12.526.498.111)</u>	<u>45.839.005.810</u>

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang ⁽ⁱ⁾	3.200.000.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	-	41.656.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	250.222.846.926	1.055.450.122.563
Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	-	98.033.220.195
Cộng	<u>253.422.846.926</u>	<u>1.195.139.342.758</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản cố định thuộc phân xưởng 3.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	1.195.139.342.758
Số tiền vay phát sinh	4.377.385.218.438
Số tiền vay đã trả	(5.319.101.714.270)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số cuối năm	<u>253.422.846.926</u>			
20. Phải trả người bán		Số cuối năm	Số đầu năm	
Các nhà cung cấp trong nước		240.545.188.778	185.852.797.892	
Các nhà cung cấp nước ngoài		2.250.849.452	2.622.679.299	
Cộng		<u>242.796.038.230</u>	<u>188.475.477.191</u>	
21. Người mua trả tiền trước		Số cuối năm	Số đầu năm	
Các khách hàng trong nước		643.144.517	1.025.569.698	
Các khách hàng nước ngoài		4.890.485.421	7.146.469.490	
Cộng		<u>5.533.629.938</u>	<u>8.172.039.188</u>	
22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	39.980.056.077	(39.980.056.077)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(300.710.342)	344.950.996	(171.987.555)	(127.746.901)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.603.438.145	34.423.025.139	(40.778.374.089)	9.248.089.195
Thuế thu nhập cá nhân	1.187.378.665	1.814.594.027	(2.443.662.787)	558.309.905
Tiền thuê đất	-	2.091.102.482	(2.091.102.482)	-
Các loại thuế khác (*)	(51.600.000)	767.976.000	(716.376.000)	-
Cộng	<u>16.438.506.468</u>	<u>79.421.704.721</u>	<u>(86.181.558.990)</u>	<u>9.678.652.199</u>

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	05%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	167.579.963.756	221.109.196.835
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.531.004.298	22.620.251.647
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(28.487.939.233)</u>	<u>(31.325.985.914)</u>
Tổng thu nhập tính thuế	141.623.028.821	212.403.462.568
Trong đó:		
- Thu nhập của hoạt động được ưu đãi (giảm 50%)	7.861.856.525	85.747.972.832
- Thu nhập của hoạt động không được ưu đãi	133.761.172.296	126.655.489.736
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	35.405.757.205	53.100.865.641
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	<u>(982.732.066)</u>	<u>(10.718.496.604)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm do doanh nghiệp chế biến thủy sản sử dụng nhiều lao động	-	<u>(9.812.392.343)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>34.423.025.139</u>	<u>32.569.976.694</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. **Phải trả người lao động**
Lương tháng 12 và lương tháng 13 còn phải trả nhân viên.

24. **Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	237.711.705	1.813.526.626
Tiền thuê đất phải trả	-	2.659.206.667
Chi phí luật sư	-	5.165.344.000
Chi phí vận chuyển	1.686.503.582	3.144.895.440
Chi phí khác	3.114.295.764	3.785.777.229
Cộng	<u>5.038.511.051</u>	<u>16.568.749.962</u>

25. **Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	28.260.000	28.260.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	7.549.230.208	6.172.989.756
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	3.975.834.292	1.983.775.356
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	92.059.995.316	103.191.208.579
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	58.487.601.640	-
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - tiền thu hộ	784.900.109	-
Các khoản phải trả khác	1.186.147.889	1.625.145.681
Cộng	<u>164.071.969.454</u>	<u>113.001.379.372</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR9.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	46.049.652.308	15.522.501.238	(4.737.041.200)	56.835.112.346
Quỹ phúc lợi	5.100.481.358	4.209.000.495	(5.681.031.158)	3.628.450.695
Cộng	51.150.133.666	19.731.501.733	(10.418.072.358)	60.463.563.041

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	471.512.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	530.829.341.680	1.155.936.856.325
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	188.539.220.141	188.539.220.141
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	3.600.000.000	-	-	(3.600.000.000)	-
Trích các quỹ	-	-	-	(32.604.006.538)	(32.604.006.538)
Chia cổ tức	-	-	-	(91.905.046.000)	(91.905.046.000)
Tăng khác	-	-	-	15.000.000	15.000.000
Số dư cuối năm trước	475.112.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	591.274.509.283	1.219.982.023.928
Số dư đầu năm nay	475.112.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	591.274.509.283	1.219.982.023.928
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	133.156.938.617	133.156.938.617
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	138.936.400.000	-	-	(138.936.400.000)	-
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	(19.731.501.733)	(19.731.501.733)
Số dư cuối năm nay	614.049.130.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	565.763.546.167	1.333.407.460.812

(*) Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 30% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 5 năm 2013. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 138.936.400.000 VND. Ngày 04 tháng 7 năm 2013 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 614.049.130.000 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	61.404.913	47.511.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	61.404.913	47.511.273
- Cổ phiếu phổ thông	61.404.913	47.511.273
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.206.163	46.312.523
- Cổ phiếu phổ thông	60.206.163	46.312.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	4.349.410.027.432	3.724.896.798.595
- Doanh thu bán hàng hóa	912.439.181.899	575.672.640.419
- Doanh thu bán thành phẩm	2.835.303.258.324	2.582.886.371.118
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	8.846.008.196	26.953.406.155
- Doanh thu bán phụ phẩm	529.463.490.767	498.742.030.387
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	63.358.088.246	40.642.350.516
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(9.970.397.459)	(8.552.492.043)
- Giảm giá hàng bán	(2.762.178.639)	(4.777.634.528)
- Hàng bán bị trả lại	(7.208.218.820)	(3.774.857.515)
Doanh thu thuần	<u>4.339.439.629.973</u>	<u>3.716.344.306.552</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	912.431.521.099	575.668.293.892
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.827.173.385.665	2.574.381.121.318
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	8.846.008.196	26.953.406.155
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	527.630.626.767	498.699.134.671
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	63.358.088.246	40.642.350.516

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa	878.371.873.334	532.947.412.595
Giá vốn thành phẩm	2.535.216.998.260	2.219.282.081.051
Giá vốn nguyên liệu	10.360.773.504	23.336.375.547
Giá vốn phụ phẩm	494.156.530.043	480.621.193.308
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.233.477.231)	17.916.891.674
Cộng	<u>3.911.872.697.910</u>	<u>3.274.103.954.175</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	67.214.166.858	39.035.917.764
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	150.779.189	407.249.410
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.487.510.000	24.482.514.000
Lãi tiền cho vay	11.839.395.231	3.561.481.407
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	8.084.392.029	5.343.753.008
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.777.799.371	34.065.814.548
Cộng	<u>117.554.042.678</u>	<u>106.896.730.137</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	61.367.838.445	46.384.868.903
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	29.054.113.592	11.000.429.233
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.895.113.329	6.721.016.562
Cộng	<u>103.317.065.366</u>	<u>64.106.314.698</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	6.323.312.493	6.755.965.507
Chi phí khấu hao TSCĐ	132.649.226	44.786.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.669.509.674	179.536.476.959
Chi phí khác	93.305.416.840	31.728.138.686
Cộng	<u>238.430.888.233</u>	<u>218.065.368.110</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	17.576.570.650	19.128.940.722
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.088.343.550	1.143.378.966
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.909.659.892	4.835.331.129
Thuế, phí và lệ phí	1.841.742.319	3.875.702.789
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.430.864	1.227.282.658
Chi phí khác	17.539.197.068	22.083.688.137
Cộng	<u>44.342.944.343</u>	<u>52.294.324.401</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	547.615.000	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc	-	2.691.805.748
Các khoản nợ không phải trả	769.204.074	5.891.101.418
Thu nhập khác	10.757.104.729	531.771.262
Cộng	<u>12.073.923.803</u>	<u>9.114.678.428</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	175.742.373	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	17.048.905	190.721.739
Chi phí khác	3.331.245.568	2.485.835.159
Cộng	<u>3.524.036.846</u>	<u>2.676.556.898</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.881.384.120.642	1.695.169.450.312
Chi phí nhân công	293.978.442.571	281.148.986.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.554.010.723	62.303.563.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	422.505.735.798	467.654.584.965
Chi phí khác	154.256.962.094	101.682.427.261
Cộng	<u>2.832.679.271.828</u>	<u>2.607.959.012.918</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch liên quan đến tài sản cố định và các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	2.261.682.268	1.547.098.602
Ứng trước tiền mua tài sản cố định	23.777.737.898	60.446.825.826
Góp vốn vào Công ty con bằng quyền sử dụng đất	-	16.080.672.700
Tặng vốn bằng cổ tức	138.936.400.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết bảo lãnh

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có cam kết bảo lãnh cho Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 để nhận các khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh với số tiền cam kết bảo lãnh lần lượt là 100 tỷ đồng và 200 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty còn cam kết bảo lãnh cho Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 để nhận các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh với số tiền cam kết bảo lãnh là 200 tỷ đồng và bảo lãnh trả nợ thay với số dư nợ vay là 84.116.433.338 VND.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Hội đồng quản trị và Ban điều hành</i>		
Mua nguyên vật liệu	-	19.125.410.600
Mượn tiền	12.000.000.000	-
<i>Các cá nhân có liên quan</i>		
Mua nguyên vật liệu	8.728.045.580	37.042.774.600
Bán hàng hóa	286.575.046	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	20.000.000	18.361.247.350
Cộng nợ phải thu	<u>20.000.000</u>	<u>18.361.247.350</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	-	348.033.320
Các cá nhân có liên quan	825.795.280	5.019.916.900
Cộng nợ phải trả	<u>825.795.280</u>	<u>5.367.950.220</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 5.562.601.000 VND (năm trước là 6.445.976.539 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Công ty con
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.128.105.396.092	966.890.377.340
Mua tài sản	41.223.670.647	-
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	637.206.791.831	381.888.964.100
Bán phụ phẩm	1.997.728.684	18.266.040.500
Bán tài sản	155.000.000	-
Nhờ thu hộ tiền hàng	11.420.841.200	29.012.888.133
Thu hộ tiền hàng	18.110.707.475	23.164.620.646
Cho mượn nguyên vật liệu	-	12.014.280.000
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2		
Mua hàng hóa	2.256.185.386	941.839.524
Doanh thu phí cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	34.022.324.301	2.398.360.227
Bán hàng hóa	25.977.818.600	-
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	282.100.941.361	22.960.912.793
Cho vay ngắn hạn	232.452.930.167	106.766.684.400
Lãi cho vay ngắn hạn	10.802.174.960	2.080.359.673
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Bán thành phẩm, hàng hóa	1.424.871.107.028	1.247.723.182.740
Bán hàng ủy thác xuất khẩu	324.952.815.094	283.912.258.808
Mua hàng hóa, dịch vụ	26.774.200	-
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5		
Bán hàng hóa, dịch vụ	147.486.743	-
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức		
Mua hàng hóa, dịch vụ	15.220.293.850	16.058.623.965
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, dịch vụ	2.691.393.580	156.079.430
Bán thành phẩm	7.333.632.440	2.427.881.000
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	6.925.802.687	11.235.097.037
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	21.175.449.035	18.453.566.762
Doanh thu phí cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	1.255.289.269	825.398.070

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Bán nguyên vật liệu, hàng hóa	1.985.441.523	6.495.959.340
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	571.859.214.216	581.608.970.607
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	110.092.097.087	79.673.059.877
Phải thu lãi ứng tiền hàng	224.913.780	-
Doanh thu phí cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	28.012.611.820	37.286.814.418
Thu hộ tiền hàng	-	56.700.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Ngoài ra, Công ty còn nhận bảo lãnh cho các bên liên quan (xem thuyết minh VIII.1).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</i>		
Phải thu tiền cổ tức	6.995.004.000	-
Phải thu nguyên vật liệu cho mượn	-	12.014.280.000
Phải thu tiền hàng thu hộ	-	13.993.287.253
<i>Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2</i>		
Phải thu tiền cho vay	38.666.684.400	85.413.754.233
Phải thu lãi cho vay	821.750.103	2.080.359.673
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	5.161.777.532	1.615.631.616
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</i>		
Phải thu tiền hàng	370.249.755.654	324.366.303.454
Phải thu tiền hàng thu hộ	-	1.134.084.600
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5</i>		
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	129.235.417	-
<i>Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức</i>		
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	533.043.825	3.351.641.760
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu	-	1.748.081.409
Cộng nợ phải thu	<u>422.557.250.931</u>	<u>445.717.423.998</u>
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</i>		
Phải trả tiền hàng	186.537.811.869	117.302.513.016
Phải trả tiền hàng thu hộ	784.900.109	-
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</i>		
Phải trả tiền chi hộ	1.893.240	138.735.040
<i>Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2</i>		
Phải trả tiền hàng nhận xuất khẩu ủy thác	58.487.601.640	-
<i>Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức</i>		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	3.975.834.292	1.983.775.356
Phải trả tiền hàng	2.556.362.241	1.585.592.652
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	92.059.995.316	103.191.208.579
Phải trả tiền hàng	6.318.544.967	-
Cộng nợ phải trả	<u>350.722.943.674</u>	<u>224.201.824.643</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là lĩnh vực thủy sản. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất khẩu	3.232.213.864.933	2.965.407.411.435
Trong nước	1.107.225.765.040	750.936.895.117
Cộng	<u>4.339.439.629.973</u>	<u>3.716.344.306.552</u>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đã thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.969.689.556	3.011.248.260
Trên 01 năm đến 05 năm	4.836.035.856	6.574.085.807
Trên 05 năm	11.797.923.003	13.006.931.967
Cộng	<u>19.603.648.415</u>	<u>22.592.266.034</u>

Công ty thuê văn phòng chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh, bãi bồi cồn Bình Thạnh, cồn Ngâm và thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Đề quản lý nợ phải thu khách hàng, Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng, Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con và cá nhân vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.397.315.140	-	-	-	46.397.315.140
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	240.977.578	-	-	-	240.977.578
Phải thu khách hàng	539.598.741.700	-	3.696.445.920	2.145.708.126	545.440.895.746
Các khoản cho vay	46.363.685.126	-	-	-	46.363.685.126
Các khoản phải thu khác	12.814.142.514	-	-	-	12.814.142.514
Cộng	645.414.862.058	-	3.696.445.920	2.145.708.126	651.257.016.104
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.875.810.695	-	-	-	27.875.810.695
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	738.217.050.780	-	-	-	738.217.050.780
Phải thu khách hàng	522.334.220.900	-	-	3.731.135.486	526.065.356.386
Các khoản cho vay	94.614.328.884	-	-	-	94.614.328.884
Các khoản phải thu khác	24.175.968.693	-	-	-	24.175.968.693
Cộng	1.407.217.379.952	-	-	3.731.135.486	1.410.948.515.438

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	253.660.558.631	-	-	253.660.558.631
Phải trả người bán	242.796.038.230	-	-	242.796.038.230
Các khoản phải trả khác	204.423.538.592	-	-	204.423.538.592
Cộng	700.880.135.453	-	-	700.880.135.453
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.196.952.869.384	-	-	1.196.952.869.384
Phải trả người bán	188.475.477.191	-	-	188.475.477.191
Các khoản phải trả khác	164.684.606.347	-	-	164.684.606.347
Cộng	1.550.112.952.922	-	-	1.550.112.952.922

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty bán hàng chủ yếu là xuất khẩu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	GBP	USD	EUR	GBP
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.722.175,75	273,78	-	921.396,45	284,70	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.198,76	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	24.852.950,31	-	-	24.556.433,44	-	-
Các khoản phải thu khác	179.139,60	-	-	215.370,00	-	-
Vay và nợ	-	-	-	(47.054.113,43)	-	-
Phải trả người bán	(161.029,20)	-	-	(114.636,26)	-	-
Các khoản phải trả khác	(7.352.801,06)	-	(84.048,26)	(5.274.016,95)	-	(86.753,63)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	19.247.634,16	273,78	(84.048,26)	(26.749.566,75)	284,70	(86.753,63)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ tăng/giảm 8.097.864.644 VND (năm trước giảm/tăng 11.142.799.526 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND với EUR và GBP đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản/nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Các khoản cho vay	38.666.684.400	-	85.413.754.233	-
Vay và nợ	(253.422.846.926)	-	(215.096.268.237)	(47.054.113,43)
Nợ phải trả thuần	(214.756.162.526)	-	(129.682.514.004)	(47.054.113,43)

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay VND đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay thuần bằng VND có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty thế chấp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với giá trị ghi sổ là 600 tỷ VND.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.397.315.140	-	27.875.810.695	-	46.397.315.140	27.875.810.695
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	240.977.578	-	738.217.050.780	-	240.977.578	738.217.050.780
Phải thu khách hàng	545.440.895.746	(1.501.995.688)	526.065.356.386	(1.548.482.271)	543.938.900.058	524.516.874.115
Các khoản cho vay	46.363.685.126	-	94.614.328.884	-	46.363.685.126	94.614.328.884
Các khoản phải thu khác	12.814.142.514	-	24.175.968.693	-	12.814.142.514	24.175.968.693
Cộng	651.257.016.104	(1.501.995.688)	1.410.948.515.438	(1.548.482.271)	649.755.020.416	1.409.400.033.167

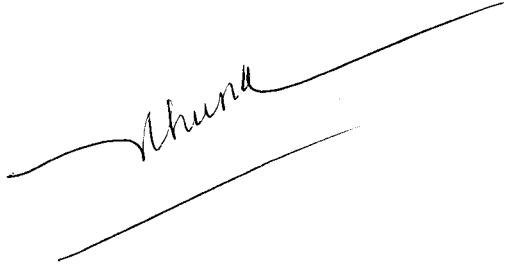
Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	253.422.846.926	1.195.139.342.758	253.422.846.926
Phải trả người bán	242.796.038.230	188.475.477.191	242.796.038.230	188.475.477.191
Các khoản phải trả khác	204.661.250.297	166.498.132.973	204.661.250.297	166.498.132.973
Cộng	700.880.135.453	1.550.112.952.922	700.880.135.453	1.550.112.952.922

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng




Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc